

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH
Về điều kiện cung cấp dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải

Nghị định số 70/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện cung cấp dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2018;

2. Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2022.

3. Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 04 năm 2025.

Căn cứ Bộ luật hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Chính phủ ban hành Nghị định về điều kiện cung cấp dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải¹.

¹ Nghị định số 147/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có căn cứ ban hành như sau.

“Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư năm 2014;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải.”

Nghị định số 69/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về điều kiện cung cấp dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải, bao gồm:

a) Thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, luồng hàng hải và tuyến hàng hải;

b)² (*được bãi bỏ*)

c) Khảo sát phục vụ Thông báo hàng hải;

d) Điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải;

đ) Khảo sát, xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải; xây dựng và phát hành tài liệu, ấn phẩm an toàn hàng hải;

e) Thông tin điện tử hàng hải;

g) Hoa tiêu hàng hải;

h) Thanh thải chướng ngại vật;

i) Nhập khẩu pháo hiệu hàng hải.

2. Các dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải khác không quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài liên quan đến dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải.”

Nghị định số 34/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải.”

² Điểm này bị bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 04 năm 2025.

1. Vùng hoa tiêu hàng hải bắt buộc (sau đây viết tắt là vùng hoa tiêu bắt buộc) là phần giới hạn trong vùng nước cảng biển hoặc khu vực khai thác dầu khí ngoài khơi, được xác định từ vùng đón trả hoa tiêu đến cầu cảng, bến cảng, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu tránh bão, nhà máy đóng - sửa chữa tàu biển, cảng dầu khí ngoài khơi và ngược lại mà tàu biển khi di chuyển phải sử dụng hoa tiêu dẫn tàu theo quy định của Bộ luật hàng hải Việt Nam. Một vùng hoa tiêu bắt buộc bao gồm một hoặc nhiều tuyến dẫn tàu.

2. Tuyến dẫn tàu là tuyến hành trình của tàu thuyền do hoa tiêu dẫn từ vùng đón trả hoa tiêu vào cầu cảng, bến cảng, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu tránh bão, nhà máy đóng - sửa chữa tàu biển của một cảng biển hoặc cảng dầu khí ngoài khơi thuộc vùng hoa tiêu bắt buộc.

3. Dịch vụ thông tin điện tử hàng hải là dịch vụ thiết lập, quản lý vận hành và khai thác mạng viễn thông hàng hải; thực hiện cung cấp dịch vụ thông tin duyên hải, các dịch vụ thông tin, điện tử khác để duy trì thông tin cho hoạt động tìm kiếm cứu nạn, phòng chống thiên tai, công tác an toàn, an ninh, bảo vệ môi trường hàng hải.

4. Thông báo hàng hải là văn bản cung cấp thông tin, chỉ dẫn cho người đi biển và tổ chức, cá nhân liên quan nhằm bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.

5. Pháo hiệu hàng hải là pháo hiệu sử dụng trong công tác an toàn hàng hải, tìm kiếm, cứu nạn hàng hải, bao gồm: Các loại pháo hiệu, đuốc cầm tay và tín hiệu khói nổi thỏa mãn các quy định của pháp luật và các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên.

Điều 4. Nguyên tắc cung cấp dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải

1. Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải tại Việt Nam chỉ được hoạt động khi bảo đảm tuân thủ các quy định tại Nghị định này và quy định khác có liên quan của pháp luật.

2. Dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải được cung cấp phải phù hợp với quy định của pháp luật, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và thực tế hoạt động hàng hải tại khu vực.

Chương II

ĐIỀU KIỆN CUNG CẤP DỊCH VỤ BẢO ĐẢM AN TOÀN HÀNG HẢI

Mục 1

ĐIỀU KIỆN CUNG CẤP DỊCH VỤ THIẾT LẬP, VẬN HÀNH, DUY TRÌ, BẢO TRÌ BÁO HIỆU HÀNG HẢI, LUỒNG HÀNG HẢI VÀ TUYẾN HÀNG HẢI

Điều 5. Điều kiện cung cấp dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải³

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; được Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động.

2. Người được giao phụ trách lĩnh vực cung cấp dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phải tốt nghiệp đại học kinh tế hoặc kỹ thuật và có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực bảo đảm an toàn hàng hải tối thiểu 03 năm⁴.

3. Có cơ sở vật chất tối thiểu: có 01 cầu cảng, xưởng sản xuất, bảo trì báo hiệu.

Điều 6. Điều kiện cung cấp dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải khu nước, vùng nước, luồng hàng hải chuyên dùng⁵

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải chuyên dùng phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Người được giao phụ trách lĩnh vực cung cấp dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải chuyên dùng phải tốt nghiệp đại học kinh tế hoặc kỹ thuật và có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực bảo đảm an toàn hàng hải tối thiểu 03 năm⁶.

Mục 2

**ĐIỀU KIỆN CUNG CẤP DỊCH VỤ KHẢO SÁT
PHỤC VỤ CÔNG BỐ THÔNG BÁO HÀNG HẢI**

³ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 147/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2018.

⁴ Cụm từ “tối thiểu 05 năm” được thay thế bởi cụm từ “tối thiểu 03 năm” theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 69/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2022.

⁵ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 147/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2018.

⁶ Cụm từ “tối thiểu 05 năm” được thay thế bởi cụm từ “tối thiểu 03 năm” theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 69/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2022.

Điều 7. Điều kiện cung cấp dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố Thông báo hàng hải⁷

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố Thông báo hàng hải phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; được Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động.

2. Người được giao phụ trách lĩnh vực cung cấp dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phải tốt nghiệp đại học kinh tế hoặc kỹ thuật và có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực khảo sát hàng hải tối thiểu 03 năm⁸.

3. Có trang thiết bị khảo sát chuyên dùng tối thiểu gồm: máy đo sâu hồi âm; thiết bị xác định tọa độ, độ cao; máy rà quét chướng ngại vật; thiết bị triều ký tự ghi; máy bù sóng; thiết bị đo vận tốc sóng âm trong môi trường nước và phần mềm khảo sát chuyên dụng.

Điều 8. Điều kiện cung cấp dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải chuyên dùng phục vụ công bố Thông báo hàng hải⁹

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải chuyên dùng phục vụ công bố Thông báo hàng hải phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Người được giao phụ trách lĩnh vực cung cấp dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải chuyên dùng phải tốt nghiệp đại học kinh tế hoặc kỹ thuật và có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực khảo sát hàng hải tối thiểu 03 năm¹⁰.

3. Có trang thiết bị khảo sát chuyên dùng tối thiểu gồm: máy đo sâu hồi âm; thiết bị xác định tọa độ, độ cao; máy rà quét chướng ngại vật; thiết bị triều ký tự ghi; máy bù sóng; thiết bị đo vận tốc sóng âm trong môi trường nước và phần mềm khảo sát chuyên dụng.

⁷ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Nghị định số 147/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2018.

⁸ Cụm từ “tối thiểu 05 năm” được thay thế bởi cụm từ “tối thiểu 03 năm” theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 69/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2022.

⁹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Nghị định số 147/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2018.

¹⁰ Cụm từ “tối thiểu 05 năm” được thay thế bởi cụm từ “tối thiểu 03 năm” theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 69/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2022.

Mục 3¹¹ (được bãi bỏ)

Mục 4

ĐIỀU KIỆN CUNG CẤP DỊCH VỤ ĐIỀU TIẾT BẢO ĐẢM AN TOÀN HÀNG HẢI

Điều 11. Điều kiện cung cấp dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải trong khu nước, vùng nước và luồng hàng hải công cộng¹²

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải trong khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; được Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động.
2. Người được giao phụ trách lĩnh vực cung cấp dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải phải tốt nghiệp đại học kinh tế hoặc kỹ thuật và có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải tối thiểu 03 năm¹³.

Điều 12. Điều kiện cung cấp dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải trong khu nước, vùng nước, luồng hàng hải chuyên dùng¹⁴

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải trong khu nước, vùng nước, luồng hàng hải chuyên dùng phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật.
2. Người được giao phụ trách lĩnh vực cung cấp dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải phải tốt nghiệp đại học kinh tế hoặc kỹ thuật và có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải tối thiểu 03 năm¹⁵.

Mục 5

ĐIỀU KIỆN CUNG CẤP DỊCH VỤ KHẢO SÁT, XÂY DỰNG VÀ PHÁT HÀNH HẢI ĐỒ VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN, LUỒNG HÀNG HẢI VÀ TUYẾN HÀNG HẢI; XÂY DỰNG VÀ PHÁT HÀNH TÀI LIỆU, ẤN PHẨM AN TOÀN HÀNG HẢI

¹¹ Mục này bao gồm các Điều 9, Điều 10 bị bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 04 năm 2025.

¹² Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 2 của Nghị định số 147/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2018.

¹³ Cụm từ “tối thiểu 05 năm” được thay thế bởi cụm từ “tối thiểu 03 năm” theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 69/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2022.

¹⁴ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 2 của Nghị định số 147/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2018.

¹⁵ Cụm từ “tối thiểu 05 năm” được thay thế bởi cụm từ “tối thiểu 03 năm” theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 69/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2022.

Điều 13. Điều kiện về tổ chức và vốn của doanh nghiệp¹⁶

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ khảo sát, xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải; xây dựng và phát hành tài liệu, ấn phẩm hàng hải phải đáp ứng các điều kiện về tổ chức và vốn như sau: Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; được Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động.

Điều 14. Điều kiện về nhân lực và cơ sở vật chất¹⁷

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ khảo sát, xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải; xây dựng và phát hành tài liệu, ấn phẩm hàng hải phải đáp ứng các điều kiện về nhân lực và cơ sở vật chất như sau:

1. Người được giao phụ trách lĩnh vực cung cấp dịch vụ khảo sát, xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải xây dựng và phát hành tài liệu, ấn phẩm hàng hải phải tốt nghiệp đại học kinh tế hoặc kỹ thuật và có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực khảo sát hàng hải tối thiểu 03 năm¹⁸.

2. Có trang thiết bị khảo sát chuyên dùng tối thiểu gồm: máy đo sâu hồi âm; thiết bị xác định tọa độ, độ cao; máy rà quét chướng ngại vật; thiết bị triều ký tự ghi; máy bù sóng; thiết bị đo vận tốc sóng âm trong môi trường nước; phần mềm khảo sát chuyên dụng và phần mềm biên tập, xuất bản hải đồ giấy và hải đồ điện tử.

Mục 6

ĐIỀU KIỆN CUNG CẤP DỊCH VỤ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ HÀNG HẢI

Điều 15. Điều kiện về tổ chức và vốn của doanh nghiệp¹⁹

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thông tin điện tử hàng hải phải đáp ứng các điều kiện về tổ chức và vốn như sau: Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; được Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động.

Điều 16. Điều kiện về nhân lực và cơ sở vật chất²⁰

¹⁶ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 2 của Nghị định số 147/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2018.

¹⁷ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 2 của Nghị định số 147/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2018.

¹⁸ Cụm từ “tối thiểu 05 năm” được thay thế bởi cụm từ “tối thiểu 03 năm” theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 69/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2022.

¹⁹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 2 của Nghị định số 147/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2018.

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thông tin điện tử hàng hải phải đáp ứng điều kiện về nhân lực và cơ sở vật chất như sau: Người được giao phụ trách lĩnh vực cung cấp dịch vụ thông tin điện tử hàng hải phải tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các lĩnh vực thông tin hàng hải hoặc điện tử viễn thông và phải có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực thông tin điện tử hàng hải tối thiểu 03 năm²¹.

Mục 7

ĐIỀU KIỆN CUNG CẤP DỊCH VỤ HOA TIÊU HÀNG HẢI

Điều 17. Điều kiện về tổ chức và vốn của doanh nghiệp

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, do Nhà nước nắm giữ tối thiểu 75% vốn điều lệ.

Điều 18. Điều kiện về nhân lực, cơ sở vật chất²²

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải phải đáp ứng các điều kiện về nhân lực và cơ sở vật chất như sau:

1. Người được giao phụ trách lĩnh vực cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải phải là hoa tiêu ngoại hạng.

2. Có đủ số lượng hoa tiêu tối thiểu đã được cấp giấy chứng nhận vùng hoạt động phù hợp với tuyến dẫn tàu được giao. Việc xác định số lượng hoa tiêu tối thiểu các hạng và số lượng phương tiện tối thiểu để đưa, đón hoa tiêu được thực hiện như sau:

a) Số lượng hoa tiêu tối thiểu các hạng được tính căn cứ theo tuyến dẫn tàu, số lượng tàu và trọng tải tàu hoạt động trên tuyến trong 03 năm trước đó (đối với tuyến dẫn tàu mới mở thì số lượng hoa tiêu tối thiểu các hạng được tính căn cứ trên số lượng tàu và trọng tải tàu dự báo hoạt động trên tuyến đó trong 03 năm đầu tiên); số ngày làm việc tối đa hàng năm của người lao động theo quy định của pháp luật. Số lượng hoa tiêu tối thiểu trên mỗi tuyến phải bảo đảm đáp ứng đầy đủ nhu cầu cung cấp dịch vụ hoa tiêu dẫn tàu và tối thiểu 10% dự trữ trên tổng số hoa tiêu.

b) Số lượng phương tiện tối thiểu để đưa, đón hoa tiêu được xác định căn cứ vào số lượt tàu được dẫn hàng năm của doanh nghiệp hoa tiêu và điều kiện hàng hải tại khu vực dẫn tàu.

c) Cục Hàng hải Việt Nam công bố số lượng hoa tiêu tối thiểu các hạng và số lượng phương tiện tối thiểu để đưa, đón hoa tiêu của mỗi tuyến dẫn tàu; giao vùng hoa tiêu bắt buộc và tuyến dẫn tàu cho các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hoa tiêu

²⁰ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 2 của Nghị định số 147/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2018.

²¹ Cụm từ “tối thiểu 05 năm” được thay thế bởi cụm từ “tối thiểu 03 năm” theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 69/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2022.

²² Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 12 Điều 2 của Nghị định số 147/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2018.

theo nguyên tắc một tuyến dẫn tàu chỉ do một doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải đảm nhận.

Điều 19. Thủ tục giao tuyến dẫn tàu

1. Hồ sơ đề nghị giao tuyến dẫn tàu bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Danh sách hoa tiêu kèm theo bản sao Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải và bản sao Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải của từng hoa tiêu;

c) Bản kê khai phương tiện đưa, đón hoa tiêu kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký của phương tiện đó.

2. Trình tự giao tuyến dẫn tàu:

a)²³ Công ty hoa tiêu gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng hải Việt Nam hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn công ty hoa tiêu hoàn thiện lại hồ sơ;

c)²⁴ Trường hợp nhận qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng các hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản gửi công ty hoa tiêu qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng các hình thức phù hợp khác, nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng hải Việt Nam xem xét thẩm định hồ sơ và xin ý kiến chấp thuận của Bộ Giao thông vận tải. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Cục Hàng hải Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải có văn bản trả lời; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do để Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản trả lời cho công ty hoa tiêu;

đ) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến chấp thuận của Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng hải Việt Nam quyết định giao tuyến dẫn tàu cho công ty hoa tiêu.

²³ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 69/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2022.

²⁴ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 69/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2022.

Mục 8

ĐIỀU KIỆN CUNG CẤP DỊCH VỤ THANH THẢI CHUỐNG NGẠI VẬT

Điều 20. Điều kiện về tổ chức của doanh nghiệp²⁵

Tổ chức cung cấp dịch vụ thanh thải chương ngại vật phải là doanh nghiệp, được thành lập theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Điều kiện về cơ sở vật chất

Bảo đảm đủ phương tiện và trang thiết bị phù hợp để thanh thải chương ngại vật và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường.

Mục 9

ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ NHẬP KHẨU PHÁO HIỆU HÀNG HẢI

Điều 22. Điều kiện kinh doanh dịch vụ nhập khẩu pháo hiệu hàng hải²⁶

1. Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật.
2. Đáp ứng các điều kiện về phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải, bao gồm:
 - a) Văn bản đề nghị nhập khẩu pháo hiệu hàng hải, trong đó ghi rõ chủng loại, số lượng, nước sản xuất, quy cách sản phẩm, đặc điểm và công dụng, ký mã hiệu, thời hạn sử dụng của từng loại; thời hạn nhập khẩu;
 - b) Bản dịch có chứng thực Giấy chứng nhận xuất xứ của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước sản xuất xác nhận việc pháo hiệu hàng hải đã được thử nghiệm phù hợp với các quy định của Tổ chức Hàng hải quốc tế;
 - c) Báo cáo của tổ chức, cá nhân về tình hình thực hiện Giấy phép nhập khẩu của năm trước đó và bản theo dõi Giấy phép nhập khẩu của Chi cục Hải quan cửa khẩu (nếu có).
2. Trình tự cấp giấy phép:
 - a) Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác theo quy định đến Bộ Giao thông vận tải;

²⁵ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 2 của Nghị định số 147/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2018.

²⁶ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 14 Điều 2 của Nghị định số 147/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2018.

b) Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

c) Trường hợp nhận qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Giao thông vận tải có văn bản gửi tổ chức, cá nhân nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

d) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Giao thông vận tải có văn bản gửi xin ý kiến Bộ Quốc phòng và Bộ Công an;

đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Bộ Giao thông vận tải, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có trách nhiệm trả lời bằng văn bản. Trường hợp quá thời hạn nói trên, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an không có ý kiến thì được coi là đã đồng ý với nội dung xin ý kiến của Bộ Giao thông vận tải;

e) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản tham gia ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Giao thông vận tải cấp Giấy phép theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không cấp Giấy phép, Bộ Giao thông vận tải phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3. Bộ Giao thông vận tải không cấp Giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải trong trường hợp pháo hiệu hàng hải đã hết thời hạn sử dụng hoặc có nguồn gốc xuất xứ không rõ ràng.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành²⁷

²⁷ Điều 7 của Nghị định số 147/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2018 quy định như sau:

“Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm hướng dẫn và thi hành Nghị định này./”

Điều 6 của Nghị định số 69/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2022 quy định như sau:

“Điều 6. Hiệu lực thi hành

1 Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 30 tháng 10 năm 2022.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm hướng dẫn và thi hành Nghị định này.”

Điều 3, Điều 4 và Điều 5 của Nghị định số 34/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 04 năm 2025 quy định như sau:

“Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 04 năm 2025. Riêng các biểu mẫu số 42, 43, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 57 quy định tại khoản 43 Điều 1 Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 04 năm 2027.

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2017; riêng các quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ nhập khẩu pháo hiệu hàng hải có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

2. Bãi bỏ các Nghị định và quy định sau:

a) Nghị định số 173/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2007 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của hoa tiêu hàng hải;

b) Nghị định số 49/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 11 Nghị định số 173/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của hoa tiêu hàng hải;

c) Bộ Giao thông vận tải quy định thủ tục cấp giấy phép quy định tại Mục II (Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép và thuộc diện quản lý chuyên ngành của Bộ Giao thông vận tải) của Phụ lục II (Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép và thuộc diện quản lý chuyên ngành) ban hành kèm theo Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài.

Điều 25. Điều khoản chuyển tiếp

Các doanh nghiệp đang thực hiện việc cung cấp dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì vẫn được tiếp tục thực hiện; trong thời hạn 02 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Nghị định này.

Điều 26. Tổ chức thực hiện

1. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm ban hành các quy định, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật phục vụ việc cung cấp dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải; hướng dẫn và chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các bến cảng, cầu cảng đã được phép tiếp nhận tàu biển giám tải có thông số kỹ thuật lớn hơn thông số kỹ thuật của tàu biển tại Quyết định công bố trước ngày Nghị định này có hiệu lực, đang khai thác an toàn nhưng chưa có Phương án bảo đảm an toàn hàng hải được phê duyệt theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định này thì được tiếp tục tiếp nhận tàu biển giám tải có thông số kỹ thuật lớn hơn thông số kỹ thuật của tàu biển tại Quyết định công bố và phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn hàng hải chậm nhất 12 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

Sau 12 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, các bến cảng, cầu cảng không có phương án bảo đảm an toàn hàng hải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thì không được phép tiếp nhận tàu biển giám tải có thông số kỹ thuật lớn hơn thông số kỹ thuật của tàu biển tại Quyết định công bố.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có liên quan tổ chức thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.”

và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có liên quan tổ chức thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

BỘ XÂY DỰNG

Số: 01 /VBHN-BXD

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2025

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Công TTĐT Chính phủ;
- Công TTĐT Bộ Xây dựng (để đăng tải);
- Lưu: VT, PC.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Xuân Sang

Phụ lục

**CÁC MẪU VĂN BẢN SỬ DỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG
CUNG CẤP DỊCH VỤ BẢO ĐẢM AN TOÀN HÀNG HẢI**
*(Kèm theo Nghị định số 70/2016/NĐ-CP
ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ)*

Mẫu số	Tên mẫu văn bản
Mẫu số 01	Đơn đề nghị giao tuyến dẫn tàu hoa tiêu hàng hải
Mẫu số 02	Giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải

TÊN CÔNG TY
Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Giao tuyến dẫn tàu hoa tiêu hàng hải

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam.

Tên công ty:

Người đại diện theo pháp luật:

Mã số đăng ký kinh doanh:

Địa chỉ: Số điện thoại liên hệ:

Đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam giao tuyến dẫn tàu hoa tiêu hàng hải dưới đây cho công ty:

1. Tuyến dẫn tàuthuộc vùng hoa tiêu bắt buộc.....

2. Tuyến dẫn tàuthuộc vùng hoa tiêu bắt buộc.....

.....

Văn bản kèm theo:

1. Danh sách hoa tiêu các hạng (kèm theo bản sao Giấy chứng nhận khả năng hoa tiêu hàng hải và bản sao Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải của từng hoa tiêu).

2. Bản kê khai phương tiện đưa, đón hoa tiêu (kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký của phương tiện đó).

Kính đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, quyết định./.

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/..../GP-BGTVT

Hà Nội, ngày tháng năm

GIẤY PHÉP

Nhập khẩu pháo hiệu hàng hải

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số .../2016/NĐ-CP ngày tháng 6 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện cung cấp dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải;

Căn cứ công văn số của

Cho phép: (ghi tên, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đầu tư), ngày cấp, cơ quan cấp; địa chỉ, điện thoại của tổ chức, cá nhân đề nghị nhập khẩu) nhập khẩu pháo hiệu hàng hải với chủng loại, số lượng như sau:

1.
2.
3.

(Ghi rõ chủng loại, số lượng, ký mã hiệu, nước sản xuất của từng loại pháo hiệu).

Tổ chức cá nhân được phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải có trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật về nhập khẩu hàng hóa, chất lượng hàng hóa và sử dụng đúng mục đích cho phép.

Giấy phép có giá trị đến ngày tháng năm/.

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân đề nghị nhập khẩu;
- Bộ Quốc phòng;
- Bộ Công Thương;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Công an;
- Lưu: VT,

BỘ TRƯỞNG
(THỨ TRƯỞNG)